

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 365/2023/DS-PT
Ngày 29-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Đức

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Phần - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2023/TLPT-DS ngày 19/4/2023 về “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2023/DS-ST ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 74/2023/QĐ-PT ngày 26/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Chị Lê Thị Anh T1, sinh năm 1996

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số nhà G, ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số nhà 70, ấp Phước Hưng, xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông S tham gia chơi hụi do bà T làm chủ dây hụi 2.000.000 đồng, hụi khai ngày 30/5/2017 âm lịch, mỗi tháng khai hụi 01 kỳ, dây hụi có 25 phần, mãn hụi ngày 30/5/2019 âm lịch. Ông S góp 01 phần hụi và hốt hụi vào ngày 30/5/2017 âm lịch, số tiền hụi bà T giao cho ông S là 34.520.000 đồng. Ông S đã đóng hụi chết đến ngày 30/12/2017 âm lịch thì ngưng không đóng nữa. Dây hụi này ông S còn nợ 17 kỳ với số tiền hụi phải đóng là 34.000.000 đồng. Ngày 31/7/2020, bà H (vợ ông S) có trả thay cho ông S số tiền 1.000.000 đồng. Bà H hứa với bà T số tiền nợ hụi của ông S là 33.000.000 đồng bà sẽ đứng ra trả cho bà T khi bà bán được đất. Từ đó cho đến nay, bà T nhiều lần yêu cầu nhưng ông S, bà H không trả số tiền hụi cho bà. Bà T yêu cầu vợ chồng ông S và bà H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền nợ hụi là 33.000.000 đồng. Bà T yêu cầu tính tiền lãi của số tiền nợ hụi từ tháng 6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án mức lãi suất 10%/năm với số tiền 13.147.200 đồng.

Tổng số tiền nợ hụi và tiền lãi bà T yêu cầu ông S và bà H liên đới trả là 46.147.200 đồng.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Huỳnh Văn S trình bày:

Ông xác định đã mấy năm nay ông không có chơi hụi với bà T. Hiện tại, ông không có thiếu nợ bà T. Nếu ông có hốt hụi thì phải có giấy giao nhận việc ông ký hốt hụi, ông yêu cầu bà T cung cấp chứng cứ chứng minh việc bà T có giao hụi cho ông. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông không đồng ý trả cho bà T số tiền là 33.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của bà T vì ông hoàn toàn không thiếu tiền hụi của bà T.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

Năm 2020, bà có vay tiền của bà T với số tiền 100.000.000 đồng. Khi bà T cho bà mượn tiền, bà T nói với bà là chồng bà có chơi hụi do bà T làm chủ nhưng giấu bà. Bà T yêu cầu bà trả cho bà T số tiền là 34.000.000 đồng do ông S thiếu tiền hụi. Bà T nói với bà nếu chịu trả tiền hụi thiếu của ông S thì bà T mới cho bà mượn tiền. Bà không có tiền cũng chưa kịp hỏi lại ông S (chồng bà) là có thiếu tiền của bà T hay không. Bà T yêu cầu bà trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng số tiền hụi của ông S thì mới đồng ý cho bà vay tiền nên bà mới để bà T trừ 1.000.000 đồng. Sau đó, bà về hỏi lại chồng bà thì ông S nói không có thiếu tiền hụi của bà T. Do bà còn nợ tiền vay của bà T nên không làm lớn chuyện và cũng không có trả tiền cho bà T nữa. Đã gần 03 năm bà T không có đòi nợ hay nhắc gì đến số tiền nợ hụi. Chồng bà xác định không chơi hụi với bà T, không có nợ bà T, chồng bà không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà T nên bà cũng không đồng ý. Đối với số tiền 1.000.000 đồng mà bà H đã đưa cho bà T thì bà không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2023/DS-ST ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biểu, phùng; Điều 471 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn S và bà Nguyễn Thị Hồng H chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền là 46.147.200đ (Bốn mươi sáu triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/7/2023, nguyên đơn bà T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, chỉ T1 trình bày: Theo kết quả xác minh của cấp sơ thẩm đối với bà H1, bà N thì những người này xác định ông S có chơi hụi nhưng không biết chơi dây hụi nào. Ông S cũng trình bày mấy năm nay không có chơi hụi với bà T, tức là trước đó có tham gia góp hụi. Đồng thời, theo các giấy xác nhận của bà R, ông V thì ông S có tham gia hụi, bà T đã giao cho ông S số tiền 34.520.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm, buộc ông S, bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ hụi và tiền lãi theo quy định.

Bị đơn ông S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 38/2023/DS-ST ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà T cho rằng ông S không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng tiền hụi sau khi đã hốt hụi nên yêu cầu ông S và vợ là bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi 33.000.000 đồng, tiền lãi của số tiền nợ hụi tính từ tháng 6 năm 2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 13.147.200 đồng, tổng số tiền là 46.147.200 đồng. Trong khi đó, ông S cho rằng ông không có nợ tiền hụi nên không đồng ý với yêu cầu của bà T.

Nguyên đơn bà T khởi kiện nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh, Tòa án đã có Thông báo số: 86/TB-TA ngày 28/4/2023 yêu cầu bà T cung cấp chứng cứ chứng minh việc bà có giao số tiền hui 34.520.000 đồng cho ông S vào ngày 30/5/2017 âm lịch. Hết thời hạn theo yêu cầu, bà T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh có việc giao nhận tiền cho ông S. Ngoài ra, theo yêu cầu của bà T, Tòa án tiến hành xác minh đối với bà Trần Thu H2 và bà Nguyễn Hiếu N1 là những người làm chứng do bà T mời đến Tòa án. Theo lời trình bày của bà H2 và bà N1 thì các bà là hui viên tham gia chơi hui do bà T làm chủ, các bà khẳng định ông S cũng là hui viên tham gia hui của bà T, nhưng việc ông S tham gia dây hui nào thì các bà không biết, các bà không có chứng kiến việc giao tiền hui và đóng hui giữa bà T với ông S, các bà chỉ được nghe bà T thông báo việc ông S hót hui và cũng chỉ được nghe bà T than vãn là ông S không đóng hui, các bà không có chứng kiến sự việc.

Như vậy, bà T khởi kiện cho rằng ông S còn nợ tiền hui nhưng không được ông S thừa nhận, bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh, trình bày của người làm chứng cũng không xác định cụ thể việc tham gia hui của ông S, việc giao nhận tiền hui giữa bà T và ông S. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp giấy xác nhận của bà R, ông V nhưng đây cũng chỉ là lời trình bày, không có chứng cứ kèm theo. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

[2] Do yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu ông S và bà H liên đới trả số tiền nợ hui 33.000.000 đồng không được chấp nhận nên yêu cầu tính lãi đối với số tiền này cũng không được chấp nhận.

[3] Bà T thừa nhận có nhận số tiền 1.000.000 đồng của bà H vào ngày 31/7/2020, tuy nhiên bà H không có yêu cầu giải quyết đối với số tiền này nên cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

Từ những nhận định trên, Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 38/2023/DS-ST ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biên, phường; Điều 471 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1

Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn S và bà Nguyễn Thị Hồng H chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 46.147.200đ (Bốn mươi sáu triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm đồng).

[2] Về án phí:

[2.1] Án phí sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu 2.307.000đ (Hai triệu ba trăm lẻ bảy nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.097.000đ (Một triệu không trăm chín mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010923 ngày 06/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà Nguyễn Thị T còn phải nộp số tiền là 1.210.000đ (Một triệu hai trăm mười nghìn đồng).

[2.2] Án phí phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003916 ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng